

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		879,218,541,220	914,828,473,655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96,290,232,583	209,967,674,177
1. Tiền	111		96,290,232,583	151,967,674,177
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	58,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15,300,000,000	15,300,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	15,300,000,000	15,300,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322,217,088,166	333,781,035,976
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	301,790,201,943	313,778,577,707
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	19,622,157,978	18,850,212,538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	804,728,245	1,152,245,731
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		410,068,017,713	334,239,891,853
1. Hàng tồn kho	141	V.6	425,432,952,717	355,061,759,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(15,364,935,004)	(20,821,867,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,343,202,758	21,539,871,649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	534,537,773	608,820,078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23,961,265,923	10,315,619,657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.18	1,869,486,316	1,496,010,723
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8,977,912,746	9,119,421,191

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		620,612,996,656	601,428,190,243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		586,509,360,918	569,140,010,538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	506,352,635,713	514,893,994,879
<i>Nguyên giá</i>	222		649,061,581,185	640,505,272,657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(142,708,945,472)	(125,671,277,778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34,888,709,438	34,915,377,050
<i>Nguyên giá</i>	228		35,976,437,301	35,878,937,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,087,727,863)	(963,560,251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	45,268,015,767	19,390,638,609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		34,093,635,738	32,278,179,705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	16,587,838,391	17,594,333,935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	5,052,424,461	2,613,223,603
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	12,453,372,886	12,070,622,167
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,499,831,537,876	1,516,256,663,898

30000
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VĨNH
HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		659,269,198,089	839,364,459,048
I. Nợ ngắn hạn	310		435,157,476,284	628,513,866,675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	204,870,455,878	399,402,059,691
2. Phải trả người bán	312	V.17	179,568,002,605	168,013,169,506
3. Người mua trả tiền trước	313		905,825,615	1,195,641,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	18,117,004,880	21,899,615,883
5. Phải trả người lao động	315	V.19	18,187,562,027	24,042,250,476
6. Chi phí phải trả	316	V.20	527,205,307	1,148,887,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	5,492,038,816	4,004,047,564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	7,489,381,156	8,808,194,251
II. Nợ dài hạn	330		224,111,721,805	210,850,592,373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	222,807,486,693	209,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	1,304,235,112	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		804,672,145,317	642,319,399,270
I. Vốn chủ sở hữu	410		804,672,145,317	642,319,399,270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	353,280,000,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	(5,431,815,312)	861,407,971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	264,879,186,025	223,193,216,695
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CÒ ĐỒNG THIÊU SỐ	439		35,890,194,470	34,572,805,580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,499,831,537,876	1,516,256,663,898


 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VĨNH HOÀN
 H.T. 07

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5,410,561.40	4,864,228.68
Euro (EUR)		429.68	432.41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ I/2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I	
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	683,491,252,959	692,911,701,868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	597,289,119	6,974,610,571
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	682,893,963,840	685,937,091,297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	566,800,895,307	587,050,856,429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		116,093,068,533	98,886,234,868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,839,235,071	10,997,562,952
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20,559,168,365	29,148,616,372
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,731,044,295	17,162,836,896
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	58,990,062,227	33,026,065,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,868,035,410	5,864,030,975
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48,515,037,602	41,845,084,663
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,102,876,465	1,452,428,379
12. Chi phí khác	32	VI.8	98,255,850	305,072,834
13. Lợi nhuận khác	40		1,004,620,615	1,147,355,545
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49,519,658,217	42,992,440,208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9,689,312,789	4,795,358,036
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2,439,200,858)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42,269,546,286</u>	<u>38,197,082,172</u>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		583,576,956	3,142,361,532
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		41,685,969,330	35,054,720,640
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1,220</u>	<u>1,168</u>


Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ I/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49,519,658,217
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	17,164,247,047
- Các khoản dự phòng	03		(5,456,932,412)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3,772,368,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(140,575,199)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	11,731,044,295
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76,589,809,948
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,028,530,467)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(69,093,214,936)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,096,449,522
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,080,777,849
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12,014,763,542)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(11,196,379,896)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7,330,139,079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23,895,990,602)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(32,180,749,870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		65,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135,510,378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31,980,239,492)



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 22	125,623,656,432
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 22	(310,942,860,249)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25,880,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58,384,453,813)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(114,260,683,907)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	V.1	209,967,674,177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	51		583,242,313
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	96,290,232,583

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I/2010

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 2
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các Công ty trong Tập đoàn.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty trong Tập đoàn có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/03/2010 : 18.544 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	1.044.085.592	1.941.192.023
Tiền gửi ngân hàng	95.246.146.991	150.026.482.154
Các khoản tương đương tiền		58.000.000.000
Cộng	<u>96.290.232.583</u>	<u>209.967.674.177</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.800.000.000	2.800.000.000
Cho vay	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	<u>15.300.000.000</u>	<u>15.300.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	89.783.990.663	148.701.382.211
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	130.448.747.231	86.027.809.662
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	81.557.464.049	79.049.385.834
Cộng	<u>301.790.201.943</u>	<u>313.778.577.707</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	13.950.397.265	15.912.029.425
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	5.671.760.713	2.938.183.113
Cộng	<u>19.622.157.978</u>	<u>18.850.212.538</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi vay phải thu	327.700.000	327.700.000
Các khoản phải thu khác	477.028.245	824.545.731
Cộng	<u>804.728.245</u>	<u>1.152.245.731</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	50.727.280	259.157.628
Nguyên liệu, vật liệu	110.572.380.961	70.069.896.138
Công cụ, dụng cụ	2.121.439.292	2.004.874.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	147.311.281.245	111.911.030.281
Thành phẩm	164.460.572.687	170.791.254.700
Hàng hóa	916.551.252	25.546.169
Cộng	<u>425.432.952.717</u>	<u>355.061.759.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ		265.435.081
Thành phẩm	15.364.935.004	20.556.432.335
Cộng	15.364.935.004	20.821.867.416
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu kỳ		20.821.867.416
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		(5.456.932.412)
Số cuối kỳ		15.364.935.004

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	608.820.078	493.728.353	568.010.658	534.537.773
Cộng	608.820.078	493.728.353	568.010.658	534.537.773

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	8.405.611.946	8.565.632.491
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	572.300.800	553.788.700
Cộng	8.977.912.746	9.119.421.191

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
Tăng trong kỳ	5.669.107.347	2.656.328.171	299.175.882	8.210.128	8.632.821.528
<i>Mua sắm mới</i>	845.438.586	2.656.328.171			3.509.976.885
<i>Đầu tư xây dựng hoàn thành</i>	4.823.668.761		299.175.882	8.210.128	5.122.844.643
Thanh lý, nhượng bán		(76.513.000)			(76.513.000)
Số cuối kỳ	251.337.929.233	384.109.493.816	12.078.511.640	1.535.646.496	649.061.581.185
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Khấu hao trong kỳ	3.724.497.994	12.759.843.071	497.394.705	72.509.745	17.054.245.515
Thanh lý, nhượng bán		(16.577.821)			(16.577.821)
Số cuối kỳ	24.075.927.132	113.811.138.777	4.081.887.595	739.991.968	142.708.945.472
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
Số cuối kỳ	227.262.002.101	270.298.355.039	7.996.624.045	795.654.528	506.352.635.713

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 352.732.443.837 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Mua trong kỳ		97.500.000	97.500.000
Số cuối kỳ	35.275.891.501	700.545.800	35.976.437.301
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Khấu hao trong kỳ	95.465.352	28.702.260	124.167.612
Số cuối kỳ	708.114.265	379.613.598	1.087.727.863
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050
Số cuối kỳ	34.567.777.236	320.932.202	34.888.709.438

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá là 22.568.847.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua tài sản cố định	1.860.216.476	1.018.215.882	(2.311.102.358)		567.330.000
Xây dựng cơ bản dở dang	17.530.422.133	31.993.932.395	(4.823.668.761)		44.700.685.767
Công trình nhà xưởng số 3 và Hệ thống nước thải	2.420.571.250				2.420.571.250
Công trình nhà xưởng số 1	13.565.351.190	25.047.080.619			38.612.431.809
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	2.675.114.856			3.667.682.708
Các công trình khác	551.931.841	4.271.736.920	(4.823.668.761)		-
Cộng	19.390.638.609	33.012.148.277	(7.134.771.119)		45.268.015.767

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ + tiền thuê đất	17.411.307.477	675.933.800	(1.633.505.163)	16.453.736.114
Chi phí khác	183.026.458		(48.924.181)	134.102.277
Cộng	17.594.333.935	675.933.800	(1.682.429.344)	16.587.838.391

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá 2.836.802.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu kỳ		2.613.223.603
Phát sinh trong kỳ		5.052.424.461
Hoàn nhập trong kỳ		(2.613.223.603)
Số cuối kỳ		5.052.424.461
15. Tài sản dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
16. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	193.870.455.878	355.168.735.691
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	151.301.493.393	276.252.854.450
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	42.568.962.485	78.915.881.241
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	11.000.000.000	44.233.324.000
Cộng	204.870.455.878	399.402.059.691

(a) Khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	355.168.735.691	116.410.656.432		(277.708.936.245)	193.870.455.878
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000			(33.233.324.000)	11.000.000.000
Cộng	399.402.059.691	116.410.656.432		310.942.260.245	204.870.455.878

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	124.904.176.020	103.544.659.164
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	54.209.060.947	64.026.648.629
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	454.765.638	441.861.713
Cộng	179.568.002.605	168.013.169.506

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.114.854.235	4.856.796.071	(5.910.192.473)	61.457.833
Thuế xuất, nhập khẩu	(1.496.010.723)	214.418.236	(493.573.218)	(1.775.165.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.473.339.655	9.751.671.714	(11.196.379.896)	16.208.631.473
Thuế thu nhập cá nhân	95.657.597	277.046.486	(467.024.694)	(94.320.611)
Các loại thuế khác	3.215.764.396	(1.182.848.821)	(6.000.000)	2.026.915.574
Cộng	20.403.605.160	13.917.083.686	(18.073.170.281)	16.247.518.564

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay phải trả		447.052.580
Chi phí khác	527.205.307	701.835.210
Cộng	527.205.307	1.148.887.790

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	1.354.306.257	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	766.408.640	577.514.590
Các khoản phải trả khác	3.371.323.919	2.230.426.600
Cộng	5.492.038.816	4.004.047.564

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi	147.594.486.693	143.822.118.693

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)		
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	75.213.000.000	66.000.000.000
Cộng	<u>222.807.486.693</u>	<u>209.822.118.693</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.571,2 m² xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m².

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	11.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	199.918.664.000
Trên 5 năm	22.888.822.693
Tổng nợ	<u>233.807.486.693</u>

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu kỳ	209.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	9.213.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.772.368.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	
Số kết chuyển	
Số cuối kỳ	<u>222.807.486.693</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	275.761.432
Số chi trong kỳ	
Số cuối kỳ	<u>1.304.235.112</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	325.680.000.000	92.448.000.000	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270
Tăng trong kỳ			(6.293.223.283)			(6.293.223.283)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27.600.000.000	99.360.000.000				126.960.000.000
Lợi nhuận trong kỳ					41.685.969.330	41.685.969.330
Số dư cuối kỳ	<u>353.280.000.000</u>	<u>191.808.000.000</u>	<u>(5.431.815.312)</u>	<u>136.774.604</u>	<u>264.879.186.025</u>	<u>804.672.145.317</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	32.568.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong kỳ	2.760.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.760.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	35.328.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.328.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu kỳ	8.808.194.251
Tăng khác trong kỳ	63.000.000
Chi quỹ trong kỳ	<u>(1.382.813.095)</u>
Số cuối kỳ	<u>7.489.381.156</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I/2010</u>
Tổng doanh thu	683.491.252.959
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	124.343.162.910
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	476.576.289.854
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	22.766.188
- <i>Doanh thu nguyên vật liệu</i>	14.906.538.493
- <i>Doanh thu phế phẩm</i>	67.642.495.514
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(597.289.119)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(16.876.923)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(580.412.196)
Doanh thu thuần	<u>682.893.963.840</u>
Trong đó:	
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	124.340.968.842
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	475.981.194.803
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	22.766.188
- <i>Doanh thu thuần nguyên vật liệu</i>	14.906.538.493
- <i>Doanh thu thuần phế phẩm</i>	67.642.495.514

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2010</u>
Giá vốn của hàng hóa	113.304.874.868
Giá vốn của thành phẩm	387.345.487.342
Giá vốn của nguyên vật liệu	13.252.082.676

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý I/2010
Giá vốn của phế phẩm	58.355.382.833
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.456.932.412)
Cộng	566.800.895.307
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I/2010
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	318.352.304
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	767.915.554
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	480.783.942
Lãi bán hàng trả chậm	2.668.937.882
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.603.245.389
Cộng	22.839.235.071
4. Chi phí tài chính	Quý I/2010
Lãi tiền vay	11.731.044.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.772.368.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.055.756.070
Cộng	20.559.168.365
5. Chi phí bán hàng	Quý I/2010
Chi phí nhân viên	1.145.995.179
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.211.819
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.328.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.846.358.817
Chi phí bằng tiền khác	13.886.168.267
Cộng	58.990.062.227
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I/2010
Chi phí nhân viên	4.113.993.801
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	190.834.524
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.187.114
Thuế, phí và lệ phí	153.388.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	852.539.341
Chi phí bằng tiền khác	5.180.092.295
Cộng	10.868.035.410
7. Thu nhập khác	Quý I/2010
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	65.000.000
Thu nhập khác	1.037.876.465
Cộng	1.102.876.465

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Quý I/2010</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	59.935.179
Chi phí khác	38.320.671
Cộng	98.255.850

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I/2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.685.969.330
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.685.969.330
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34.156.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.220

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

1/ Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý I/2010</u>
Mua nguyên vật liệu	13.790.026.650
Bán hàng hóa	214.323.500

Tại ngày cuối kỳ, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan	1.621.569.000
Cộng nợ phải thu	1.621.569.000

2/ Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức	
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	2.122.339.279
Mua hàng hóa, bao bì, hóa chất, dịch vụ	98.293.061.147

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày cuối kỳ, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng		4.970.225.400
Cộng nợ phải thu		4.970.225.400
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu, hàng hóa	42.020.789.174	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu		1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	42.020.789.174	24.274.857.221

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 10 tháng 5 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc